

Bản án số: 63/2022/HS-ST

Ngày: 01 -7-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cầm Văn Nam; bà Phạm Thị Tư;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Vương Khả Nhật Thành - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 7 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 30/2022/HSST ngày 08 tháng 4 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST- HS ngày 16 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lương Trường S**; tên gọi khác: S Năm; giới tính: Nam; sinh năm: 1979; tại: Bình Thuận; NĐKNKTT và cư trú: Khu phố M, phường P, thành phố Ph, tỉnh Bình Thuận; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ văn hóa: 09/12; nghề nghiệp: Không; con ông: Lương Văn H và bà: Lê Thị B; vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Có 06 tiền án:

+ Ngày 11/12/1996, S bị Toà án nhân dân tỉnh Bình Thuận xử phạt 07 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của công dân, theo Bản án số 100/HSST. Tại thời điểm phạm tội bị cáo là người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi phạm tội rất nghiêm trọng do cố ý nên vẫn được coi là có án tích, chưa chấp hành xong hình phạt thì bỏ trốn;

+ Ngày 26/09/2000, S bị Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù về tội Trốn khỏi nơi giam và Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt còn lại của bản án trước buộc bị cáo phải chấp hành 07 năm 02 tháng 15 ngày tù theo Bản án số 61/HSST;

+ Ngày 25/12/2000, S bị Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt với các bản án trước buộc phải chấp hành 09 năm 02 tháng 15 ngày tù, theo Bản án số 24/HSST;

+ Ngày 05/07/2005, S bị Toà án nhân dân Tp.Ph, tỉnh Bình Thuận xử phạt 12

tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án trước buộc phải chấp hành 10 năm 02 tháng 15 ngày tù, theo Bản án số 81/2005/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/09/2010;

+ Ngày 04/11/2011, S bị Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 42 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo Bản án số 85/2011/HSST. Trong bản án này đã tuyên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

+ Ngày 28/03/2012, S bị Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 04 năm tù về tội Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án trước buộc phải chấp hành 07 năm 06 tháng tù, theo Bản án số 27/2012/HSST, chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/09/2018;

- Nhân thân:

+ Ngày 26/11/2019, S bị Toà án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo Bản án số 98/2019/HSST.

+ Ngày 04/02/2020, S bị Toà án nhân dân Tp. Ph, tỉnh Ninh Thuận xử phạt 04 năm tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án trước buộc bị cáo phải chấp hành 10 năm tù theo Bản án số 09/2020/HSST.

+ Ngày 06/07/2020, S bị Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, tổng hợp hình phạt với bản án trước buộc bị cáo phải chấp hành 16 năm 06 tháng tù, theo Bản án số 50/2020/HSST. Các bản án này được xét xử sau khi bị cáo Lương Trường S thực hiện hành vi phạm tội tại Tp.Bảo Lộc vào tháng 05/2019 nên không bị xem là tiền án trong lần phạm tội này;

Bị cáo S hiện đang chấp hành án tại Trại giam Th, huyện H, tỉnh Bình Thuận, có mặt.

- **Bị hại:** Anh Đinh Ngọc H, sinh năm 1987; trú tại: Xóm K, Thôn H, xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Nguyễn Tấn Th, sinh năm 1995; trú tại: Thôn N, xã Đ, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

2. Nguyễn Đình Q, sinh năm 1993; trú tại: Thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào cuối năm 2018, anh Đinh Ngọc H, trú tại Thôn H, xã Đ, Tp.B, tỉnh Lâm Đồng mua xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, màu xanh xám, số máy: G3D4E-115575, số khung: RLCUG0610FY103458 (Mất biển số) từ anh Trần Xuân Tr, trú tại Thôn N, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng với giá 17.000.000 đồng và được anh Tr đưa

cho 01 đăng ký xe mô tô biển số 78C1-059.05. Anh Tr hứa hẹn sẽ làm thủ tục cấp biển số xe mới cho H, nhưng đến ngày 10/01/2019 anh Tr bị chết ở tỉnh Đắk Nông nên không làm được biển số xe cho anh H. Do giàn nhựa màu xanh xám của xe bị nứt vỡ nên anh H đã thay giàn nhựa màu đỏ, đen. Vào đầu tháng 05/2019, do cần sử dụng xe nên H đã tháo biển số 49K1 – 45559 của xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter của em trai H là anh Đình Văn H', trú tại Thôn H, xã Đ, TP. B lắp vào xe mô tô của H để sử dụng.

Đến sáng ngày 20/05/2019, anh H đến khu vực ngã năm xã Đ, TP. B để ăn sáng cùng với Lương Trường S và Nguyễn Tấn Th, trú tại Thôn N, xã Đ, TP. B. Lúc này S nảy sinh ý định chiếm đoạt xe mô tô của anh H nên S giả vờ nhờ anh H dùng xe mô tô biển số 49K1 – 45559 chở S đến khu vực xã L, TP. B, thì anh H đồng ý và nhờ anh Th điều khiển xe chở S. Anh Th điều khiển mô tô biển số 49K1 – 45559 chở S đến xã L, TP. B thì S nói anh Th ghé vào quán cà phê Đ, ở địa chỉ số M, Quốc Lộ 20, xã L, TP. B uống cà phê. S nói dối với anh Th cho mượn xe mô tô biển số 49K1 – 45559 để đi công việc một lát rồi quay lại thì anh Th đồng ý giao xe. Có được xe, S điều khiển xe mô tô biển số 49K1 – 45559 chạy đến tiệm sửa xe “B” ở địa chỉ số F đường N, phường T, thị xã L, tỉnh Bình Thuận bán xe cho anh Nguyễn Đình Q, trú tại thôn H, xã T, huyện H, tỉnh Bình Thuận với giá 10.000.000 đồng. Số tiền có được S đã tiêu xài cá nhân hết.

Theo kết luận định giá của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha — Exciter, màu đỏ - đen, số máy: G3D4E-115575, số khung: RLCUG0610FY103458 trị giá là 18.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu hồi được 01 xe mô tô Exciter, màu đỏ-đen, số máy: G3D4E-115575, số khung: RLCUG0610FY10345. Quá trình điều tra xác định xe mô tô nêu trên có biển số: 38K1-302.22 đứng tên chủ xe là anh Nguyễn Mậu C, sinh năm 1994, trú tại xã K, huyện K', tỉnh Hà Tĩnh, có liên quan đến vụ trộm cắp tài sản khác xảy ra tại địa bàn huyện H, tỉnh Bình Thuận nên Cơ quan CSĐT Công an TP. B đã bàn giao xe cho Cơ quan CSĐT Công an huyện H để giải quyết theo thẩm quyền.

Cơ quan điều tra đã thu giữ từ anh Đình Ngọc H được 01 Giấy đăng ký xe mô tô biển số 78C1-05905 mang tên Nguyễn Hữu Ph, sinh năm 1991, trú tại Khu phố T, phường P, Tp.T, tỉnh Phú Yên. Quá trình điều tra xác định anh Nguyễn Hữu Ph đã làm mất giấy đăng ký xe mô tô nêu trên nhưng hiện nay chưa tiến hành làm việc được với anh Phường nên Cơ quan điều tra tiếp tục tạm giữ để xác minh.

Cơ quan điều tra đã thu giữ và trả lại 01 biển số 49K1-45559 cho anh Đình Văn H.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Đình Ngọc H yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 18.000.000 đồng và anh Nguyễn Đình Q không có yêu cầu gì về bồi thường dân sự.

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như Cáo trạng đã

nêu, không thắc mắc khiếu nại đối với nội dung Bản cáo trạng.

Bản Cáo trạng số 46/CT-VKSBL ngày 01 tháng 4 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Lương Trường S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b, d khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Vào ngày 20/05/2019 tại xã Đ, Tp.B, do có ý định từ trước nên Lương Trường S đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của anh Đinh Ngọc H, dùng thủ đoạn gian dối giả vờ hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter của anh H để anh H giao xe mô tô cho anh Nguyễn Tấn Th chở S đi chơi; sau đó S tiếp tục nói dối mượn xe từ anh Th để đi công việc rồi mang đến tỉnh Bình Thuận bán xe cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân, với trị giá của xe mô tô bị chiếm đoạt là 18.000.000 đồng. Trước đó bị cáo S đã có 06 tiền án về tội chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo đã vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân và gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 174; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo S từ 05 (Năm) đến 06 (Sáu) năm tù và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về Dân sự: Hiện chiếc xe mô tô đã thu hồi được nhưng có liên quan đến vụ án khác tại tỉnh Bình Thuận, do đó anh H có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan CSĐT công an huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận để được giải quyết theo thẩm quyền. Về xử lý vật chứng: Cơ quan CSĐT đã xử lý nên không xem xét. Buộc bị cáo S phải nộp án phí Hình sự sơ thẩm.

Bị cáo S xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định tội: Lương Trường S đã có hành vi lợi dụng sự tin tưởng của anh Đinh Ngọc H, dùng thủ đoạn gian dối giả vờ hỏi mượn xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter của anh H để anh H giao xe mô tô cho anh Nguyễn Tấn Th chở S đi chơi; sau đó S tiếp tục nói dối mượn xe từ anh Th để đi công việc rồi mang đến tỉnh Bình Thuận bán xe cho người khác lấy tiền tiêu xài cá nhân, với trị giá của xe mô tô bị chiếm đoạt là 18.000.000 đồng. Khi phạm tội bị cáo S đang có 06 tiền án, không có

nghề nghiệp, liên tục phạm tội, lấy tài sản chiếm đoạt làm nguồn sống chính. Đối chiếu lời khai của bị cáo, bị hại, kết luận định giá tài sản có đủ căn cứ khẳng định hành vi của bị cáo S đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b, d khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự;

[3] Về tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện thái độ coi thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, cần áp dụng cho bị cáo một hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân rất xấu; khi phạm tội có 06 tiền án. Tuy nhiên quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, nên được áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Xét thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Hiện nay bị cáo S đang chấp hành hình phạt 16 năm, 06 tháng tù tại bản án số 50/2020/HSST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, do vậy cần áp dụng Điều 56 của Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt của bản án số 50/2020/HSST ngày 06/7/2020 với hình phạt của bản án này, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại yêu cầu bị cáo có nghĩa vụ bồi thường số tiền 18.000.000 đồng. Xét chiếc xe mô tô mà bị cáo chiếm đoạt trong vụ án này là xe bị hại chiếm hữu bất hợp pháp, việc bị hại khai mua xe từ anh Trần Xuân Tr nhưng không xuất trình được chứng cứ chứng minh cho việc mua bán, việc mua, bán không hợp pháp. Hơn nữa chiếc xe nêu trên liên quan đến một vụ án khác, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã bàn giao cho cơ quan có thẩm quyền xử lý. Do vậy Hội đồng xét xử không có căn cứ để xem xét yêu cầu của bị hại.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 Đăng ký mô tô, xe máy tên Nguyễn Hữu Ph (Kèm theo hồ sơ vụ án), xét cần giao lại cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

[8] Về hình phạt bổ sung: Xét bị cáo không có nghề nghiệp nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Lương Trường S** phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”;

Áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 56 của Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Lương Trường S 05 (Năm) năm tù; tổng

hợp hình phạt 16 (Mười sáu) năm, 06 (Sáu) tháng tù, tại bản án số 50/2020/HSST ngày 06/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bình Thuận, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 21 (Hai mươi một) năm, 06 (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 23/7/2019.

2/ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Giao 01 Đăng ký mô tô, xe máy tên Nguyễn Hữu Ph (Kèm theo hồ sơ vụ án) cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B để tiếp tục xác minh, xử lý theo thẩm quyền.

3/ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo có quyền kháng cáo, riêng bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP B;
- Công an TP. B
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự TP. B;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Đình Tú

